TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2023/QĐST-DS	*Phú Mỹ, ngày 13 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 31/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1.Công nhân sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP QTVN (VIB). Trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà ST - 111A P, Phường BN, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H - Chức vụ: Giám đốc TTQLN NHBL 1 - VIB theo Giấy ủy quyền số: 107064.22 ký ngày 03/10/2022 của TGĐ.

Ủy quyền lại cho ông Trần Anh T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tầng X1, tòa nhà PS số 26 UVK, phường 25, quận BT, Tp. HCM (Văn bản ủy quyền 110207.22 ngày 11/10/2022 của Ngân hàng TMCP QTVN (VIB).

Bị đơn: Ông Lê Duy Đ; sinh năm: 1985 và bà Nguyễn Thị Thu H; sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp X2, xã Y2, thị xã Z, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị Kh, sinh năm 1944. Địa chỉ: Ấp X2, xã Y2, thị xã Z, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản vay: Ông Lê Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thu H xác nhận còn nợ và có nghĩa vụ thanh toán trả nợ hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng TMCP QTVN toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày 04/4/2023 tổng số tiền 6.021.482.357 đồng, trong đó tiền gốc: 5.209.069.512 đồng, tiền lãi trong hạn là 300.944.045 đồng; lãi quá hạn là 485.253.935 đồng, phí 26.214.865 đồng và tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh từ ngày 5/4/2023 đến khi tất toán toàn bộ

khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7230399.21 ngày 09/12/2021 và Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế ngày 14/7/2021.

2.2 Kể từ ngày có quyết định có hiệu lực pháp luật, mà ông Lê Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thu H không trả hoặc trả không đủ số tiền gốc và lãi, lãi quá hạn, phí cho Ngân hàng TMCP QTVN thì Ngân hàng TMCP QTVN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp là thửa đất số 15, tờ bản đồ số: 28, địa chỉ: Ấp Tân Lễ B, xã Châu Pha, huyện Tân Thành (nay là Thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BQ 691974, số vào sổ cấp GCN: CH04866 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) cấp ngày 21/7/2014 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BQ 691975, số vào sổ cấp GCN: CH04867 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) cấp ngày 21/7/2014 đứng tên ông Lê Duy Đ cùng sử dụng đất với bà Trịnh Thị Kh. Tài sản này được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số công chứng: 5475, quyển số: 01/2021 TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng Công chứng số 2 công chứng ngày 24/6/2021.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng TMCP QTVN. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP QTVN.

2.3.Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng ông Lê Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện nộp số tiền này. Ngân hàng TMCP QTVN đã nộp đủ số tiền này, buộc ông Lê Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP QTVN số tiền 4.000.000 đồng.

2.4.Về án phí: Ông Lê Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 57.014.741 đồng (Năm mươi bảy triệu không trăm mười bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi mốt đồng).

Hoàn trả cho ngân hàng TMCP QTVN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.478.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006807 ngày 27/02/2023 của Chi cục thi hành án thị xã Phú Mỹ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự**.**

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS thị xã Phú Mỹ;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

Lưu Thị Liên

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../...../QĐST-..... [2]	
	...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày…..tháng……năm ….. về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:…/…./TLST-.....[3] ngày…tháng… năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:[4]

…….....……..….....

…….....…….....

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[5]

…….....…….....

…….....…….....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:	**THẨM PHÁN**
- Đương sự;	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;	
-Lưu hồ sơ vụ án.	